



NGƯỜI đặt tên đường SÀI GÒN XƯA



Người đặt tên đường Sài Gòn xưa

Nhiều tác giả



Paris * 06.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Internet*

**Người
đặt tên đường
Sài Gòn xưa**

Nhiều tác giả

MỤC LỤC

1. Nguyễn Văn Luân	9
Người đặt tên đường phố Sài Gòn thời VNCH	
2. Wikipedia	26
Tiểu sử nhà văn Ngô Văn Phát	
3. Dũng Phan	31
Người đặt tên đường Sài Gòn thời VNCH là một thiên tài lịch sử	
4. Thơ Tố Phang	44
Âm thầm ; Hoài hữu ; Một bước đi ; Văn tế chú.	

5. Vương Hồng Sển

61

Nhớ Thuần-Phong ; Nhớ Đông-Hồ



Người đặt tên đường phố Sài Gòn thời VNCH

Nhưng thật là bất ngờ, bất ngờ đến kinh ngạc, khi qua tài liệu đính kèm của tác giả Nguyễn Văn Luân, chúng ta được biết kiệt tác của lịch sử này đã được hoàn thành bởi... một người. Người đó là ông Ngô Văn Phát, trưởng Phòng Họa Đồ thuộc Tòa Đô Chánh Sài Gòn.

Vũ Linh Châu

Từ lâu, tôi đã có dịp bày tỏ lòng ngưỡng mộ và khâm phục về việc đặt tên cho các đường phố tại Sài Gòn vào năm 1956, ngay sau khi chúng ta dành được độc lập từ tay thực dân Pháp. Vì đây là một công việc quá xuất sắc và quá hoàn thiện, nên tôi vẫn định ninh rằng đó phải là một công trình do sự đóng góp công sức và trí tuệ của rất nhiều người, của một ủy ban gồm nhiều học giả, nhiều sử gia, nhiều nhà văn, nhà báo...

Nhà văn Thuận Phong Ngô Văn Phát và việc đặt tên đường phố Sài Gòn

Trong những năm làm việc tại Tòa Đô Chánh Sài Gòn, tôi có dịp góp phần trông coi việc xây dựng và tu bổ đường sá, lúc thì tại Khu Kiều Lộ Sài Gòn Tây

(Chợ Lớn) gồm 6 quận 5, 6, 7, 8, 10 và 11, lúc thì tại Khu Kiều Lộ Sài Gòn Đông (Sài Gòn) gồm 5 quận 1, 2, 3, 4 và 9. Hàng ngày họp với các ông cai lục lộ phụ trách từng khu vực, nghe báo cáo đường thì ngập nước sau cơn mưa, đường thì có ổ gà, nhựa đường tróc hết tro lớp đá xanh đá đỏ nền đường, đường thì dân xây cất trên lộ giới tràn ra lề đường, nên tôi gần như thuộc lòng tên hơn 300 con đường.

Qua bao nhiêu năm lịch sử của thành phố, hầu hết đều có tên Tây như:

- Boulevard Charner
- Boulevard Galliéni
- Boulevard Kitchener
- Boulevard Norodom, v.v.

Sau hiệp định Genève tháng 7 năm

1954 chính quyền Pháp bàn giao cho Chính Phủ Bảo Đại, với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.

Để đánh dấu việc giành độc lập từ tay người Pháp, Tòa Đô Chánh Sài Gòn được lệnh gấp rút thay thế toàn bộ tên đường từ tên Pháp qua tên Việt trong khoảng thời gian ngắn nhất. Trong lịch sử của các thành phố có bao nhiêu lần đổi tên hàng loạt toàn bộ các con đường như thế này? Có lẽ vô cùng hiếm hoi.

Việc đổi chiều tên các danh nhân trong lịch sử 4.000 năm để đặt tên đường sao cho hợp lý không phải dễ. Chỉ nghĩ đơn thuần, khi dùng tên Vua “Trần Nhân Tông” và Tướng “Trần Hưng Đạo”, người làm dưới trướng của Vua, để đặt tên cho 2 con đường thì đường nào to và quan trọng hơn? Câu hỏi nhỏ như vậy còn thấy không đơn giản, huống chi cân

nhắc cho ngân ấy con đường trong một thời gian gấp rút thật không dễ.



Đại lộ Trần Hưng Đạo, Sài Gòn năm 1967
(Ảnh của John Beck)

Lúc bấy giờ công việc này được giao cho Ty Kỹ Thuật mà Phòng Hoạ Đồ là

phần hành trực tiếp. May mắn thay cho thành phố có được nhà văn Ngô Văn Phát, bút hiệu Thuận Phong, có bằng Cán Sự Điền Địa lúc ấy đang giữ chức Trưởng Phòng Họa Đồ.

Năm 1956, sau hơn ba tháng nghiên cứu, ông đã đệ trình lên Hội Đồng Đô Thành, và toàn bộ danh sách tên đường ấy đã được chấp thuận. Khi tôi vô làm năm 1965 và hàng ngày lái xe đi công trường, đụng chạm với các con đường mới cảm nhận được sự uyên bác về lịch sử của ông. Nhìn những tên đường trên họa đồ, khu nào thuộc trung tâm thành phố, khu nào thuộc ngoại ô, đường nào tên gì và vị trí gần bó với nhau, càng suy nghĩ càng hiểu được cái dụng ý sâu xa của tác giả.

Các đường được đặt tên với sự suy nghĩ rất lớp lang mạch lạc với sự cân nhắc

đánh giá bao gồm cả công trạng từng anh hùng một lại phù hợp với địa thế, và các dinh thự đã có sẵn từ trước. Tác giả đã cố gắng đem cái nhìn vừa tổng quát lại vừa chi tiết, những khía cạnh vừa tình vừa lý, đôi khi chen lẫn tính hài hước, vào việc đặt tên hiếm có này. Tôi xin kể ra đây vài thí dụ, theo sự suy đoán riêng của mình, bởi vì ông có nói ra đâu, nhưng tôi thấy rõ ràng là ông có ý ấy:

* Đầu tiên là những con đường mang những lý tưởng cao đẹp mà toàn dân hằng ao ước: Tự Do, Công Lý, Dân Chủ, Cộng Hòa, Thống Nhất. Những con đường hoặc công trường này đã nằm ở những vị trí thích hợp nhất.

* Đường đi ngang qua Bộ Y Tế thì có tên nào xứng hơn là Hồng Thập Tự.

* Đường de Lattre de Tassigny chạy từ phi trường Tân Sơn Nhứt đến bến Chương Dương đã được đổi tên là Công Lý, phải chăng vì đi ngang qua Pháp Đình Sài Gòn. Con đường dài và đẹp rất xứng đáng. Ba đường Tự Do, Công Lý và Thống Nhất giao kết với nhau nằm sát bên nhau bên cạnh dinh Độc Lập.

* Đại Lộ Nguyễn Huệ nằm giữa trung tâm Sài Gòn nối từ Tòa Đô Chánh đến bến Bạch Đằng rất xứng đáng cho vị anh hùng đã dùng chiến thuật thần tốc phá tan hơn 20 vạn quân Thanh. Đại Lộ này cũng gần tương xứng với cuộc đời ngắn ngủi của ngài.

* Những danh nhân có liên hệ với nhau thường được xếp gần nhau như Đại Lộ Nguyễn Thái Học với đường Cô Giang và đường Cô Bắc, cả ba là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Yên Bái. Hoặc đường

Phan Thanh Giản với đường Phan Liêm và đường Phan Ngũ, Phan Liêm và Phan Ngũ là con, đã tiếp tục sự nghiệp chống Pháp sau khi Phan Thanh Giản tuấn tiết.

* Những đại lộ dài nhất được đặt tên cho các anh hùng Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Lê Lợi và Hai Bà Trưng. Mỗi đường rộng và dài tương xứng với công dựng nước giữ nước của các ngài.



Đại lộ Lê Lợi, Sài Gòn năm 1967
(Ảnh của John Beck)

* Đường mang tên Lê Lai, người chịu chết thay cho Lê Lợi thì nhỏ và ngắn hơn nằm cạnh kê với đại lộ Lê Lợi.

* Đường Khổng Tử và Trang Tử trong Chợ Lớn với đa số cư dân là người Hoa.

* Bờ sông Sài Gòn được chia ra ba đoạn, đặt cho các tên Bến Bạch Đằng, Bến Chương Dương, và Bến Hàm Tử, ghi nhớ những trận thủy chiến lẫy lừng trong lịch sử chống quân Mông Cổ, chống Nhà Nguyên của Hưng Đạo Đại Vương vào thế kỷ 13.

* Cụ Nguyễn Du, mà thầy đồ Thiệp, người dạy học vỡ lòng cho tôi, khi nói chuyện với cha tôi, bao giờ cũng gọi với danh xưng Cụ Thánh Tiên Điền. Cuốn truyện Kiều của cụ ngày nay được chúng ta dùng như là khuôn mẫu cho tiếng

Việt, khi có sự tranh luận về danh từ hay văn phạm, người ta thường trích một câu Kiều làm bằng. Vậy phải tìm đường nào đặt tên cho xứng? Tôi thấy con đường vừa dài vừa có nhiều biệt thự đẹp, với hai hàng cây rợp bóng quanh năm, lại đi ngang qua công viên đẹp nhất Sài Gòn, vườn Bờ Rô, và đi ngang qua Dinh Độc Lập, thì quá xứng đáng. Không có đường nào thích hợp hơn. Tuyệt! Vườn Bờ Rô cũng được đổi tên thành Vườn Tao Đàn làm cho đường Nguyễn Du càng thêm cao sang.

* Vua Lê Thánh Tôn, người lập ra Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú, cũng cho mang tên một con đường ở địa thế rất quan trọng, đi ngang qua một công viên góc đường Tự Do, và đi trước mặt Tòa Đô Chánh.

* Trường nữ Trung Học Gia Long lớn nhất Sài Gòn thì, (trở trêu thay?), lại mang tên ông vua sáng lập nhà Nguyễn. Trường nữ mà lại mang tên nam giới! Có lẽ nhà văn Thuần Phong muốn làm một chút gì cho trường nữ Trung Học công lập lớn nhất thủ đô có thêm nữ tính, nên đã đặt tên hai đường song song nhau cặp kè hai bên trường bằng tên của hai nữ sĩ: Bà Huyện Thanh Quan và Đoàn Thị Điểm. Chùa Xá Lợi nằm trên đường Bà Huyện Thanh Quan thấy cũng nhẹ nhàng.

* Thẳng góc với hai đường Bà Huyện Thanh Quan và Đoàn Thị Điểm là đường Hồ Xuân Hương. Ba nữ sĩ nằm bên cạnh nhau, thật là có lý, nhưng có lý hơn nữa có lẽ là đường Hồ Xuân Hương đi ngang qua bệnh viện Da Liễu. Tác giả những câu thơ “Vành ra ba góc da còn thiếu,

Khép lại hai bên thịt vẫn thừa” mà cho mang tên đường có bệnh viện Da Liễu có lẽ cũng xứng hợp.

Ông Nhà Văn – Trưởng Phòng Họa Đồ quả là sâu sắc.

Rất tiếc là lúc vào làm việc thì Thuần Phong Ngô Văn Phát đã về hưu nên tôi không được hân hạnh gặp mặt. Mãi sau này mới có dịp đọc tiểu sử của ông, mới hết thắc mắc làm sao chỉ là một công chức như tôi mà ông đã làm được việc quá xuất sắc và hi hữu này.

Cũng chuyện đặt tên đường

Vua Lê Thánh Tôn đã mở mang bờ cõi nước ta từ Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Rồi sau đó, chúa Nguyễn Hoàng và con cháu đã vượt đèo Cù Mông,

đánh chiếm Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, vĩnh viễn xóa sổ nước Chiêm Thành khỏi bản đồ thế giới. Rồi còn tiếp tục mang về cho dân tộc cả một đồng bằng Nam Phần mênh mông bao la, từ Đồng Nai đến Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc...

Cũng phải kể luôn cả “Hoàng Triều Cương Thổ” (vùng đất mà thực dân Pháp dành riêng cho các vua nhà Nguyễn) là vùng Cao nguyên Trung phần trù phú màu mỡ hiện nay. Dĩ nhiên công cuộc mở mang bờ cõi này cũng bao gồm cả các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nữa.

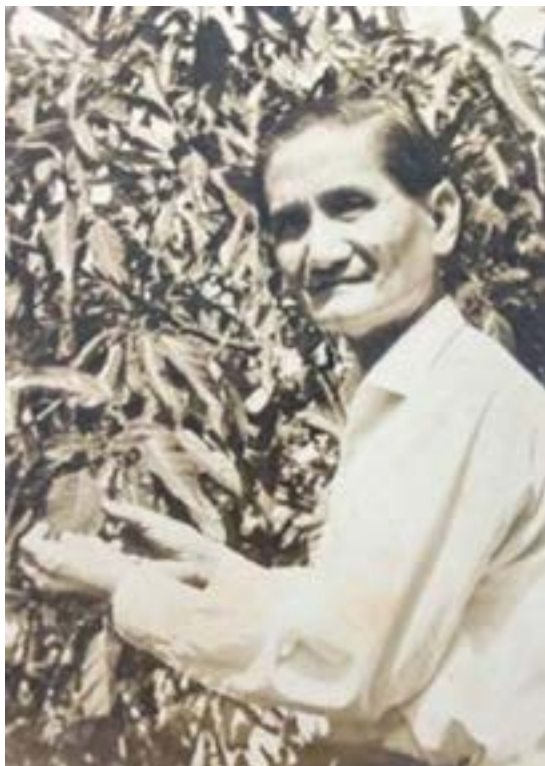
Nghĩa là hơn một nửa diện tích đất liền của Việt Nam hiện nay là do dòng họ của Chúa Nguyễn Hoàng đã mang về cho dân tộc Việt Nam!

Riêng Chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, là người đã có công rất lớn trong công cuộc Nam Tiến của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt là Chúa Hiền Vương đã đóng góp rất nhiều công sức trong việc bình định và chinh phục vùng đất Gia Định ngày xưa. Gia định ngày xưa bao gồm Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu, Tây Ninh, Phước Long, Bình Long, Long An, Mỹ Tho, Gia Định, Sài Gòn... bây giờ. Cho nên chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đã lấy tên của Ngài để đặt cho một trong hai con đường chính từ hướng Bắc dẫn vào trung tâm Thành Phố Sài Gòn. (Chế độ sau này đã thay Hiền Vương bằng tên của Võ Thị Sáu – Đường Nguyễn Hoàng bị đổi thành Trần Phú...).

Loại bỏ tên của Chúa Nguyễn Hoàng, của Chúa Hiền Vương và các vị ân nhân của dân tộc trong công cuộc Nam Tiến ra khỏi bản đồ Sài Gòn và các thành phố Miền Nam là điều mà tục ngữ ca dao bình dân gọi là “ăn cháo, đá bát”.

Đây là chưa nói tới giấc mộng... Tây Tiến chưa thành. Hai vị trung thần nhà Nguyễn là Lê Văn Duyệt và Trương Minh Giảng đã mở mang bờ cõi nước ta tới tận biên giới... Thái Lan bây giờ, đã thiết lập thêm một Trấn mới là Trấn Tây Thành, (hai Trấn kia là Trấn Bắc Thành và Trấn Gia Định Thành). Phải chăng chính vì vậy mà ngay từ khi vừa giành được chủ quyền từ tay thực dân Pháp, hai con đường lớn từ trung tâm Sài Gòn hướng về Bà Quẹo để sang thẳng đất Miên qua ngã Gò Dầu, đã được mang tên hai vị anh hùng Tây Tiến nổi danh này. Đó là

đường Trương Minh Giảng và đường Lê Văn Duyệt. Phải chăng đó cũng như là một nhắc nhở cho các thế hệ mai sau về một sứ mạng chưa thành, một “Mission unaccomplished”...



Nhà văn, nhà họa đồ Ngô Văn Phát

Tiểu sử **nhà văn Ngô Văn Phát**

Nhà văn, nhà họa đồ *Ngô Văn Phát*,
bút hiệu *Thuần Phong, Tố Phang, Đồ*
Mơ.

Ông sinh ngày 16-10-1910 tại huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Thuở nhỏ ông học ở Bạc Liêu, Sài
Gòn, đậu bằng Thành Chung rồi nhập
ngạch họa đồ ngành công chánh.

Ông yêu thích văn chương từ ngày

còn ngồi trên ghế nhà trường, từng có thơ đăng trên Phụ Nữ Tân Văn, rồi thường xuyên cộng tác với báo ấy từ năm 1928 đến năm 1935. Cũng trong quãng thời gian đó (khi chưa đầy 20 tuổi), ông đã làm thơ họa mười bài *Khuê phụ thán* (một thi phẩm nổi tiếng của Thượng Tân Thị, sáng tác vào tháng 3 năm 1919 tại Cầu Kè (nay là huyện Cầu Kè), tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.) của Thượng Tân Thị...

Năm 1957, ông được hội Encyclopaedia Britannica ở Luân Đôn (Anh) mời cộng tác. Nhận lời, ông gửi bài “Khảo cứu về thành phố Sài Gòn” và được đăng vào bộ tự điển của hội.

Năm 1964, quyển Ca dao giảng luận của ông đã được nhà nghiên cứu Maurice Durand lược trình và bình luận trong bộ sách của trường Viễn Đông Bác cổ. Cũng trong năm ấy, ông được tổ chức

Nghiên cứu Việt học của trường Đại học Sorbonne (Pháp) mời tham gia Dự án Nguyễn Du (Projet Nguyễn Du) để chuẩn bị cho cuộc lễ kỷ niệm 200 năm “năm sinh Nguyễn Du” (1965). Nhận lời, ông gửi thiên khảo luận “Nguyễn Du et la Métrique populaire” (Nguyễn Du với thể dân ca) và được đăng vào bộ sách *Mélanges sur Nguyen Du* (Tập luận về Nguyễn Du).

Đồng thời với việc trước tác, ông còn là một nhà giáo. Ông từng dạy Việt văn tại trường Pétrus Ký (Sài Gòn), dạy Văn học dân gian tại Đại học Văn khoa (Sài Gòn), Sư phạm Huế và Đại học Cần Thơ.

Ông mất năm 1983 tại Sài Gòn, hưởng thọ 73 tuổi.



NGƯỜI ĐẶT TÊN ĐƯỜNG SÀI GÒN THỜI VNCH LÀ MỘT THIÊN TÀI LỊCH SỬ

Dũng Phan



Đã từ lâu tôi rất muốn tổng hợp lại những điều thú vị đẹp đẽ và gây sửng sốt trong cách đặt tên đường của Sài Gòn trước năm 1975 (dù có nhiều trang đã từng viết). Bài này tôi viết mang trong mình 3 kỳ vọng.

Thứ nhất là để các bạn, các em yêu lịch sử nhưng sợ lịch sử có thể bỗng chốc phát hiện ra những điều tinh tế tuyệt vời trên con đường mà các em, các bạn đang đi học, đi làm mỗi ngày. Thứ hai là một gợi ý để những nhà hoạch định giao thông có thể quy hoạch lại trên niềm cảm hứng tinh tế thú vị đó, để có thể tạo ra những bản đồ tên đường như thể ta đang bước đi trên một trang sách. Và cuối cùng là để thắp một nén nhang tri ân

đến người đã đặt tên những con đường đó, cũng là một cái cúi mình ngưỡng mộ trước những tinh hoa, tinh tế của người trí thức miền Nam trước 1975 mà thời cuộc đã khiến mọi thứ không thể đi đến trọn vẹn. Dưới đây là 10 điều thú vị về cách đặt tên đường Sài Gòn trước năm 1975:

1. Bờ sông Sài Gòn được chia ra ba đoạn. Đầu tiên là Bến Bạch Đằng, thứ đến là Bến Chương Dương, và cuối cùng là Bến Hàm Tử. Đó là gì? Vâng, là những trận thủy chiến trong lịch sử chống quân Nguyên Mông của quan quân nhà Trần vào thế kỷ 13.

Riêng Bến Bạch Đằng lớn nhất thì có ở đó là bức tượng của vị quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo chỉ tay ra bờ sông. Vậy bạn có nhớ ở bên kia bờ sông là bến gì không? Bến Vân Đồn - nơi Trần

Khánh Dư đánh tan đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ, cũng là một trận thủy chiến thời đó.

2. Bạn hẳn đều ít nhiều nghe đến cái tên Nguyễn Thái Học, một trong số những người sáng lập Việt Nam Quốc dân đảng và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

Nhưng bạn có biết vợ của Nguyễn Thái Học không? Từ cầu Ông Lãnh đổ xuống, bạn sẽ đi trên đường Nguyễn Thái Học, và bạn sẽ gặp phu nhân của người. Đó là Cô Giang. Song song với đường Cô Giang là đường Cô Bắc. Nguyễn Thị Giang (tức Cô Giang) là vợ Nguyễn Thái Học, và Nguyễn Thị Bắc (tức Cô Bắc) là chị của Cô Giang.

3. Điện Biên Phủ là một con đường huyết mạch tại Sài Gòn ai ai cũng biết.

Nhưng không mấy ai biết tên con đường này trước 1975 là đường gì. Đó là đường Phan Thanh Giản - tên của vị đại thần nhà Nguyễn đã ký bản hiệp ước cắt 3 tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. Ông chịu án oan trăm năm mà chỉ được gột rửa trong chục năm trở lại đây. Sau năm 1975, tên đường Phan Thanh Giản đổi thành đường Điện Biên Phủ, đưa ông về quên lãng.

Tuy nhiên ít ai biết rằng, sự tinh tế của vị đặt tên đường ấy vẫn để lại những dấu hiệu. Đó là người con của ông: Phan Liêm, Phan Tôn vẫn ở đó. Hai con đường ngắn, nhỏ, đặt song song, như ở cạnh hầu hạ cho linh hồn của người cha oan khuất bi kịch của mình. Ngày ngày, khi đi từ cầu Sài Gòn xuống mà muốn về nhà thờ Đức Bà, chúng ta sẽ rẽ vào Hiền Vương (Võ Thị Sáu), và quẹo vào một con đường nhỏ cắt qua Điện Biên Phủ.

Con đường nhỏ ấy chính là đường Phan Liêm. Nhưng cha ông thì không còn đó nữa.

4. Phan Thanh Giản đỗ tiến sĩ và ra làm quan dưới triều Minh Mạng, vậy thì đương nhiên phải có đường Minh Mạng trước đó rồi đúng không. Vậy đường Minh Mạng ở đâu nhỉ? Đây là đường Ngô Gia Tự hôm nay. Một con đường xứng đáng với tầm vóc của Minh Mạng: to, đẹp với 3 hàng cây rợp bóng mát, mang cái hùng tâm tráng chí của bậc đế vương tham vọng nhất nhì lịch sử Việt Nam.

Và vị đại tướng của ông, người gánh trách nhiệm chinh chiến ở Campuchia là tướng Trương Minh Giảng, đó sẽ là một con đường nối dài từ quận này sang quận khác, như công tích vĩ đại kéo qua 2 nước, nhưng hẹp, hết số phận bi kịch khi

trở về. Con đường ấy hôm nay là đường Lê Văn Sỹ - Trần Quốc Thảo.

5. Tương tự con đường Trương Minh Giảng là con đường Gia Long. Đường Gia Long và đối thủ không đội trời chung của ông là Nguyễn Huệ có sự nghiệp thể hiện qua tên đường. Đường Gia Long tuy hẹp nhưng dài, đường Nguyễn Huệ tuy to, nhưng ngắn, như số phận của vị anh hùng dân tộc đánh đông dẹp bắc, công tích rực rỡ mà tuổi thọ ngắn ngủi. Đường Gia Long hôm nay là đường Lý Tự Trọng. Ở phía đầu đường Gia Long là nhóm những vị khai quốc công thần của ông, đó là đường Lê Văn Duyệt (nay là đường Cách Mạng Tháng Tám), đây là đường Võ Tánh (Nguyễn Trãi Quận 1), Ngô Tùng Châu (nay là Lê Thị Riêng), quân sư Đặng Đức Siêu (đổi tên thành đường Nam Quốc Cang).

6. Một số cái tinh tế khác như đường Lê Lai nhỏ nằm cạnh đường Lê Lợi lớn, đường Sư Vạn Hạnh âm thầm nối gót cho đường Lý Thái Tổ, giúp rập Lý Công Uẩn lập ra nhà Lý. Khu vực người Hoa chợ Lớn thì rất các con đường của những vị hiền triết của Trung Hoa như Trang Tử, Khổng Tử hay các vị người Hoa đã có công mở cõi như Mạc Cửu, Mạc Thiên Tích....

Còn ở Quận 1 ta thấy Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, Trương Công Định... các vị khởi nghĩa chống Pháp thì sát sạt nhau. Các vị nữ sĩ Bà Huyện Thanh Quan, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương khéo làm sao cũng ở bên nhau.

Cách đó một khúc lại là cụm Bùi Thị Xuân, Huyền Trân Công Chúa và Sương Nguyệt Anh. Trong khi những vị trạng nguyên như Lê Quý Đôn, Phùng Khắc

Khoan, Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi là các con đường song song bàn cờ. Và hai danh nhân góp phần xây dựng nên chữ Quốc Ngữ là Hàn Thuyên và Alexandre de Rhodes thì lại song song nhau bên cạnh.

7. Ở phía xa cảng miền Tây lại thuộc về thuở lập quốc của thủy tổ dân tộc. Đầu tiên là Hồng Bàng đúng không? Kế đó là Kinh Dương Vương, Hùng Vương, rồi An Dương Vương. Xa xa là những Triệu Quang Phục, Bà Triệu. Đủ rồi chẳng? Chưa hết, còn một con đường nữa là đường Triệu Đà thừa các bạn. Đường Triệu Đà hôm nay chính là đường Ngô Quyền.

Thực ra trước năm 1975, đường Ngô Quyền - Triệu Đà nằm trên một trục. Như cái sự chấm dứt 1000 năm Bắc Thuộc mà Tiền Ngô Vương đã đem lại cho dân

tộc vậy. Triệu Đà dẫu không còn, nhưng đi về thêm một chút nữa bạn sẽ lại gặp đường Lữ Gia, vị tể tướng người Thanh Hóa thời Triệu Đà.

8. Không chỉ có lịch sử, mà còn có những cái hay khác. Đi qua Bộ Y Tế thì là đường Hồng Thập Tự (nay gọi là đường Nguyễn Thị Minh Khai), đường Tự Do, Công Lý, Dân Chủ, Cộng Hòa, Thống Nhất thì được ở cạnh nhau như nói lên khát vọng nhân bản cao đẹp.

Đặc biệt đường Công Lý thì quy tắc phải một chiều (vì có Công Lý nào tráo trở đâu). Đường Lục Tỉnh, đường Hậu Giang, đường Tháp Mười thì ở cạnh nhau. Rồi, quay về phía khu Bắc Hải là ta gặp một loạt cụm đường mang những địa danh của dân tộc đã đi vào huyền sử: Trường Sơn, Bạch Mã, Ba Vì, Đồng Nai, Cửu Long.

9. Lòng dân cũng là một trang sử mộc mạc. Tôi kể câu chuyện nhỏ, có một lần hai vợ chồng tôi đi ăn cháo lòng trên đường Võ Thị Sáu - Quận 3. Lúc ngồi xuống bàn, tôi thấy pass wifi là “hien-vuong”.

Hiền Vương chính là tên con đường này trước 1975, là tên nhân gian gọi chúa Nguyễn Phúc Tần, ông là vị chúa thứ 4 của dòng chúa Nguyễn trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, là người có công mở rộng lãnh thổ về phía Đồng Bằng Sông Cửu Long. Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần còn là người đã tiếp nhận những đoàn thuyền của Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên từ nhà Minh đi xuống, để họ tiến hành khai khẩn và tạo nên Cù Lao Phố, Mỹ Tho. Không có ông tạo nền tảng, sẽ không có Sài Gòn Chợ Lớn TPHCM sầm uất như ngày

hôm nay. Chúa Nguyễn Phúc Tần còn là một nhân vật hùng bá ở trên biển.

Ông có tham vọng đánh ra Bắc phía chúa Trịnh, và từng đuổi quân Anh, quân Hà Lan... khi họ dám bắt người và xâm phạm bờ cõi Đàng Trong. Sau năm 1975, đường Hiền Vương trở thành đường Võ Thị Sáu.

Tuy nhiên như đã nói ở trên, lòng dân là một trang sử mộc mạc. Dầu bị đổi thay thế nào, dầu sử sách có quên lãng và các vấn đề chính trị đã xô đẩy họ rời khỏi trang sách, thì nơi đây, lòng dân vẫn biết cách để nhớ về, dù chỉ bằng một cái pass wifi ngăn ngủi.

10. Người tạo nên kiệt tác lịch sử với các câu chuyện tôi kể trên kia là ... một công chức. Ông là Trưởng Phòng Họa Đồ thuộc Tòa Đô Chánh Saigon. Bộ

phận được lệnh gấp rút thay thế toàn bộ tên đường từ tên Pháp qua tên Việt trong khoảng thời gian ngắn nhất, sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm nắm quyền. Tên ông là Ngô Văn Phát, Nhà văn – bút hiệu Thuần Phong, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1910 tại huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

***Để xây dựng nên công trình lịch sử
thập phần tinh tế này, ông cần 3 tháng.***

3 tháng cho một đời !

Dũng Phan

Thơ Tố Phang

Âm thầm

Ngày ấy ai yêu, tôi chẳng biết,
Vì còn khờ khạo, trí còn non,
Nay đến tôi yêu, ai chẳng biết
Ai ngờ? Vì đã có chồng con.

Ngày ấy ai yêu, tôi chẳng biết
Trên đường gió bụi ráng quên tôi

Nay đến tôi yêu, ai chẳng biết
Trên đường gió bụi một mình tôi.

Ngày ấy ai yêu, tôi chẳng biết
Khối tình lần nữa để tiêu tan.
Nay đến tôi yêu, ai chẳng biết
Mối tình kín nhem vẫn vương mang.

Hoài hữu

Gởi ông Thường Tiên Lê Quang Nhơn

Gang tấc mà xa mấy núi rừng,
Ngậm ngùi thương những lệ khôn lưng.
Tảo tần sớm tối người chi biết,

Thui thui ngày đêm kẻ đợi chùng.
Ấm lạnh đành ngơ hồi tạm biệt,
Nổi chìm bận dỗi cuộc trùng hưng.
Biết lòng, cách mặt, xin bền dạ,
Ngọn lửa vinh quang có lúc bùng.
7-1954

Một bước đi

Một bước đi là một tiếc thương,
Vắng hoa tiêu tụy cả khu vườn,
Vắng trăng buồn lạt trời thu quạnh,
Vắng bạn lòng tơ mấy đoạn vương.

Một bước đi là một nhớ nhung,

Xa hoa vườn vắng tiếng côn trùng,
Xa trắng trời vắng mùa thu đẹp,
Xa bạn lòng tơ luống nãi nùng.

Một bước đi là một khổ tâm,
Nhớ nhung, thương tiếc, khổ âm thầm;
Vườn hoa tàn tạ trời thu lạnh,
Một bước đi là một khổ tâm.

Mỗi một lần đi, chết một lần,
Chết vì xa vắng bạn tương thân,
Chết trong mắt liếc, trong cười nụ,
Chết rũ trong lòng cạn ái ân.

Mỗi một lần đi, chết một lần,
Chết trong lòng dạ bạn tương thân,

Chết trong kỷ niệm ngày tươi thắm,
Chết mất đi rồi cuộc ái ân.

Ngày xuân nhớ bạn

Non nước từ khi cách bạn vàng,
Đến nay thấm thoát đã xuân sang.
Đầu cành đón gió hoa đương thắm;
Bên gối mơ ai mộng chữa tàn.
Cửa sổ ngựa qua thoi nhật nguyệt;
Cõi lòng đá tảng tấm dung nhan.
Ngàn trùng biết có ai mong nhớ,
Một mảnh tình riêng gửi mấy hàng.

Văn tế chú

(Vận: tạ, giao, hiền)

Hỡi ôi!

Vật đổi sao dời;

Trắng tàn hoa tạ.

Áng mây sâu mịt toả trời cao;

Trận gió thảm sóng xao biển cả.

Cơ cầu thay con tạo hoá, cuộc tang
thương ủ mặt sơn hà;

Thương tiếc bấy khách tài hoa, cơn tử
biệt nào lòng thiên hạ.

Nhớ linh xưa!

Vốn người phong nhã;

Vào bực thanh tao.

Trên dưới trước sau, danh tiếng thơm
làng mạc;
Đông tây nam bắc, đường đời rộng
bước xã giao.

Tuy kể bề học vấn chẳng bực tốt vời,
luống trách buổi giao thời làm lỡ dở văn
minh Âu Á;
Mà kể mặt tài ba được lời xuất chúng,
dẫu gặp thời tù túng đà lấy lòng danh
nghĩa mảy râu.

Vả chẳng tài vẫn tùy người, chẳng đợi
nho thâm học bác;
Nên hể người đà đứng mực, thì là chí
lớn rộng cao.

Nào phải mặt coi một miếng thịt làng
bằng sàng thịt chợ, hể làm hương thì
phụ mẫu chi dân, để lân lý khổ tâm

than oán;

Mà là tay cầm một miếng khi đói bằng
gói khi no, có gặp dịp thì hào hoa nghĩa
hiệp, nên hương thôn cổ võ khen lao.

Tuy chẳng phải hy sinh cùng xã hội;
Mà vẫn ra giúp ích cho đồng bào.

Lời lời ngọc chuốt vàng trau, dầu trên
quan dưới dân, tài Án Tử vẫn hùng hồn
biện luận;

Mỗi mỗi buồm xuôi gió thuận, cú
đường ngay nẻo thẳng, chốn nghị
trường từng hân hạnh ra vào.

Ngày thủ tướng hỏi chào, ai ai cũng gọi
là vinh hạnh;

Trận Liêm Chiêu tranh cạnh, ai ai mà
chẳng biết vàng thau.

Mà hể làm thì làm, làm chẳng thích phô trương tự đắc;
Nếu có được thì được, được không cần tán tụng hô hào.

Tuy anh hùng tạo thời thế, nhưng cảnh ngộ cơ cầu, lắm cử chỉ phải âm thầm cẩn thận;
Bởi hữu chí tất cánh thành, nhờ tâm can hảo hớn, nhiều công trình đã được sáng lạn lâu lâu.

Nào có phải vì quyền vì tước, mà cam mọp trán cúi đầu, bưng bả mưu cầu danh giả dối;
Ấy là duy hữu chí hữu tâm, nên đành hao công phải tội, lọc lừa chọn lấy tiếng thanh cao.

Cùng xã hội đã có công lao, hòn đá nhỏ đã góp tài ba nghĩa vụ;

Với gia quyến còn nhiều phận sự, đám
con thơ còn cần hướng dẫn luyện đạo.

Mới hôm nào rộn rịp đón dâu, chén
hoan lạc còn nồng rượu trước;
Biết bao giờ nung niu ấm cháu, nỗi
thương tâm để thảm đời sau.

Mặt giai tể đã biết ai đâu, ngày tổng nữ
không cha chứng tỏ;
Tuổi thơ ấu thương cho em nọ, sự lập
thân chỉ mẹ lo âu.

Người vẫn có câu: con không cha như
nhà không nóc;
Đời thường hay khóc: vợ mất chồng
như áo mất bầu!

Rồi lấy chi mà chở che ngày hạ;
Rồi lấy chi mà ấm áp đêm thu.

Lại nhớ linh xưa!
Tuy hàng chú bác;
Mà nghĩa tri giao.

Chẳng lấy vế vai làm lớn;
Chẳng xem địa vị là cao.

Nào những lúc mắt đau, cháu thỉnh
thoảng viếng thăm ấm lạnh;
Nào những khi đàm luận, chú ân cần
chuyện vãn ngọt ngào.

Cũng có lúc luận về tứ thú;
Cũng có khi bàn chuyện ngũ châu.
Cũng có lúc phê bình cổ tích;
Cũng có khi đàm tiếu tân trào.

Duyên ăn nói làm sao! như thể mật
đường ngon ngọt;
Tài hùng hồn chẳng xiết, khác nào kèn
sáo thanh tao.

Nào phải giấc chiêm bao, tai văng vẳng
còn nghe lời châu ngọc;
Phải đâu cơn sản sốt, mắt sờ sờ dường
thấy dạng ra vào.

Nhưng hỡi ôi!
Vàng chìm ngọc nát;
Đất lở trời nghiêng.

Cỏ thảm hoa phiến, cảnh vật một màu
cửu hận với;
Trăng hờn gió tủi, nước mây mỗi vẻ
nhuộm sâu riêng.

Mắt ướt dầm lụy đổ liên miên, cõi
dương thế tiễn đưa trang tuần kiệt;
Miệng đón hỏi cười reo thân thiết, chốn
âm cung tiếp rước khách tài hiền.

Hay đoạn tuyệt với trần duyên, ngao
ngán cõi đê hèn ô trược;
Mà phản hồi nơi siêu tục, an nhàn chốn
thanh bạch thiêng liêng.

Kìa xã hội đảo điên, ghế nghị viện
luống chờ người thiên cổ;
Nọ giang san cầm tú, cảnh bông lai
chực đón khách cửu tuyền.

Luống trách phạt trách duyên, duyên
phận xui chi tráo trở;
Phải biết căn biết số, số căn sao khéo
truân chuyên!

Cảnh gia quyến đảo điên, cột cả rường
cao ai chống chối;
Đoàn thể nhi vô tội, tay mềm chun yếu
bước cơ duyên.

Hỡi ôi!

Tìm đâu gặp được người tuần kiệt?

Tìm đâu ra được đứng tài hiền?

Còn đâu những trận hùng hồn tranh
luận?

Còn đâu những cuộc vấn đáp nghị
viên?

Còn đâu những lời vàng gieo ngọc
ném?

Còn đâu những lời đinh đóng thép rèn?

Còn đâu những buổi luận đàm thú vị?

Cần đâu những ngày thân mật đoàn
viên?

Đã biết lẽ quy ký tự nhiên, người dầu
thác chớ tinh thần bất hủ;

Mà hểm câu tử sinh kinh cụ, đời hay
quên tuy sách sử không quên.

Máu chảy ruột mềm, thương tiếc cùng
ai tỏ thể?

Ngày tàn bóng xế, tủi sầu hoạ chú
chúng miên.

Phải chi còn gặp gỡ như buổi sanh tiền,
ắt có thể giải niềm tâm sự;
Phải chi được tới lui trong hồi thức ngủ,
hồi còn mong bày tỏ căn nguyên.

Lời thơ sơ tự xét đê hèn, cháu chẳng
được văn hay chữ tốt;
Nỗi thảm thiết để thâm đau xót, cháu
phải nhờ giấy trắng mực đen.

Thôi thôi!
Lẽ bạc lời hèn, giọt lệ nén hương xin
tiền chú;
Quê xưa cảnh cũ, xe loan cánh hạc nhẹ
quy tiên.

Hỡi ôi! thương thay!
Hỡi ôi! tiếc thay!

Bắc Liêu, ngày 23 tháng 3 Tân Tỵ (1941)

Nguồn : <https://www.thivien.net>



Nhớ Thuần-Phong, Nhớ Đông-Hồ

Vương Hồng Sến

Không tiền mua báo, khi biết tin-tức thì đã muộn. Hôm trước, nhơn đến nhà Tế-Nhị, có người cho hay có thấy “cáo-phó Ngô-văn-Phát”, không dám hỏi nhiều, lòng ngờ-ngợ viết thơ vô Chợ-lớn hỏi một người bạn, xin cho biết Ngô-văn-Phát nào, hay là thi-sĩ Thuần-Phong? Chờ mãi không thấy thơ trả

lời, nóng lòng vô Chợ-lớn, mới hay quả Thuần-Phong đã ra người thiên-cổ. Lật đật cùng đi với anh Nguyễn-Tấn-Trung, qua cầu Chữ Y, đến nhà người bạc số, thấy lư-hương, bàn thờ, thấp nhang lễ muợn, chúc hồn anh siêu thăng, vì anh trối dặn hỏa-táng, lấy tro rải sông Đồng-nai... Như vậy từ đây dấu-tích anh, còn lại chỉ trong những thơ-văn anh đã sáng tác, và phải nhìn nhận, số thơ ấy vẫn nhiều và được quý, vì thấy đều duyên-dáng, đáng nên để dành. 74 tuổi có là bao, nhứt là khi hay rằng anh chỉ cảm nặng, vào dưỡng đường, bệnh sanh chứng khác, rồi bốn ông bác-sĩ đều thúc thủ, ô-hô!

Nhớ lúc chân ướt chân ráo, tiền cạn, nhờ anh bán độ-nhứt mấy cuốn sách, thì lúc ấy anh ở xóm Tân-định, đường d'Arfeuille, nay tên mới là Nguyễn-Đình-Chiếu. Rồi một phen nữa, năm

1966, cậu anh đề bài tựa tập hồi-ký “50 năm mê hát” thì nhà anh ở gần chùa Xá-Lợi, cư-xá Đô-thành, đường Bà Huyện Thanh-Quan.

Khi anh dọn về nhà ở đường Âu-Dương-Lân này, thì cầu Chữ Y, tuy không xa lắm nhưng cách trở, anh và mình gặp nhau thỉnh thoảng những nơi hội-hiệp văn-hóa, anh vẫn mạnh khỏe hơn mình, vẫn đạp xe đạp, nhẹ như ru, còn mình vẫn leo trèo xe buýt xe lam lùm-cùm. Mới hôm nào đây, anh lại nhà, khuyên viết về hát hội, mình chối-từ than “hát bội khó viết”, nay viết để ai xem? Thuần-Phong, anh ối, trước kia anh chọn biệt hiệu là Tổ-Phang, là anh sắp mấy chữ Ngô-Phát ra như vậy. Bây giờ gió thoảng gió hiền đâu còn nữa, Tổ-Phang, Ngô-Phát, anh ôi!

✱

Thuần-Phong đau sơ-sơ, cảm nặng, tuổi già, nếu lây lất trị sơ-sài, ho vẫn ho, mà nào ho có làm chết ai tức-tốc. Anh mất ngày 9 Juin là ngày 28 âm lịch. Nghe nói khi anh nằm mê, mấy ngày trước, anh thường nói “28”, 28 gì, hay là anh biết trước ngày anh lìa đời? Lạ nhỉ?

*

Ngày 1 tháng 7 dương-lịch, nhận được lá thư của chị Mộng-Tuyết báo tin đang xin được “di quan Đông-Hồ về táng lại quê Hà-tiên, nghĩa-trang gia-đình, triền núi Tô-châu. Mới năm nào, đưa anh đến nằm nơi nghĩa-địa Mạc-Đĩnh-Chi, nằm không yên chỗ, nay lại được di-táng. Chị Mộng-Tuyết viết trong

thơ: ngày 29-6, khai mộ cho Sở Vệ-sinh phòng dịch và Sở Công-an xét nghiệm, nếu hòm còn tốt thì cho để như vậy chờ đi, bằng hòm hư-hao thì phải bọc kẽm thêm lớp ngoài. Dầu sao, như vậy là anh tốt số, vì thiếu chi mộ lúc nầy bốc mả thay hòm. Sáng 30 thì đưa lên đường, ngày 1-7 thì an táng. Làm sao đưa tiễn kịp, vì thơ nhận ngày 1-7 trễ rồi.

Nhớ năm 1963, vừa thất-nghiệp, bộ Giáo-dục thôi ký giao-kèo tái-tuyển mình làm công-nhật quyền quản-thủ viện bảo-tàng, thì chính Đông-Hồ vô thay làm giảng-viên nơi Đại-học Văn-khoa, do Thanh-Lãng làm chủ ban văn-chương, chén cơm bổng mất, ngờ đâu như vậy mà khỏe, Đông-Hồ tận tụy đến ngất-xỉu trên ghế diễn-đàn của trường, bây giờ “bơ vơ lữ thấn tha hương đê-huế”, Chị Mộng-Tuyết lo tròn việc nầy,

đáng là nghĩa-phụ. Hai thi-sĩ Miền Nam ra đi như vậy mà khỏe. Thân già, tuổi 82 còn ngồi gõ máy đến chừng nào?

(viết ngày 4-7-1983).

Vĩnh biệt hai anh.

(Trích “Dỡ Mắm” – Di cảo)

